

BÁO CÁO

**Sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 15/01/2019
của Bộ Chính trị khóa XII về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng
và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế**

Thực hiện văn bản của Ban Kinh tế Trung ương: Kế hoạch số 232-KH/BKTTW ngày 27/3/2024 sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị khóa XII về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế (viết tắt là Nghị quyết số 39-NQ/TW), Công văn số 4417-CV/BKTTW ngày 27/3/2024 về việc xây dựng báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hậu Giang báo cáo như sau:

Phần I**CÔNG TÁC PHỔ BIẾN, QUÁN TRIỆT
VÀ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 39-NQ/TW****1. Về công tác phổ biến, quán triệt Nghị quyết****1.1. Tình hình phổ biến, quán triệt Nghị quyết**

Quán triệt Nghị quyết số 39-NQ/TW, Ban Thường vụ Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức 02 Hội nghị học tập, nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết số 39-NQ/TW đúng thời gian, nghiêm túc, đạt chất lượng, cụ thể như sau:

- Hội nghị thứ nhất bằng hình thức trực tuyến (08 điểm cầu) đến các huyện, thị, thành phố. Tại điểm cầu Tỉnh ủy, tham dự là các đồng chí trong Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và Giám đốc sở, Thủ trưởng cơ quan, ban, ngành tỉnh, điểm cầu cấp huyện là các đồng chí trong Ban Chấp hành Đảng bộ cấp huyện và các đồng chí Bí thư, Chủ tịch UBND cấp xã.

- Hội nghị thứ hai thành phần tham dự là các đồng chí lãnh đạo các sở, ban, ngành tỉnh; Ban Thường vụ các Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, Ban Thường vụ các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh (chưa học lớp thứ nhất); các đồng chí Ủy viên Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc; trưởng, phó phòng các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy và Đảng ủy Khối các cơ quan và doanh nghiệp, trưởng, phó khoa, phòng và giảng viên Trường Chính trị tỉnh; lãnh đạo Hội Văn học Nghệ thuật, Hội Nhà báo; phóng viên, biên tập viên Báo, Đài Trung ương và địa phương.

Sau học tập, các đồng chí dự học viết bài thu hoạch đầy đủ, nghiêm túc.

1.2. Đánh giá những kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Qua học tập, quán triệt các đồng chí đều đồng tình, nhất trí cao việc Trung ương ban hành Nghị quyết số 39-NQ/TW phù hợp với tình hình thực tiễn, có ý nghĩa và tầm quan trọng đặc biệt thúc đẩy sản xuất kinh doanh, duy trì tăng trưởng kinh tế.

Công tác quán triệt, triển khai Nghị quyết số 39-NQ/TW được Ban Thường vụ Tỉnh ủy quan tâm chỉ đạo chặt chẽ, chu đáo; xây dựng chương trình, kế hoạch, hướng dẫn thực hiện sát với tình hình thực tế của địa phương, đơn vị. Hội nghị tổ chức triển khai đúng theo nội dung hướng dẫn của Trung ương, Chương trình và Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, từ đó cán bộ, đảng viên tham gia học tập đảm bảo yêu cầu về số lượng, chất lượng.

Việc quán triệt, triển khai tại xã, phường, thị trấn, nhìn chung tinh thần học tập của cán bộ, đảng viên nghiêm túc, ghi chép đầy đủ và nhận thức sâu sắc về những nội dung cơ bản của Nghị quyết số 39-NQ/TW. Sau mỗi Hội nghị đều có tổng kết, giải đáp những vấn đề đặt ra trong quá trình học tập; cán bộ, đảng viên sau khi học tập, viết bài thu hoạch đầy đủ và nộp về Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy tổng hợp, báo cáo Thường trực Tỉnh ủy.

2. Về công tác triển khai thực hiện Nghị quyết

Để triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 39-NQ/TW, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chương trình số 218-CTr/TU ngày 07/5/2019 thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW (*viết tắt là Chương trình số 218-CTr/TU*). Đồng thời, tỉnh đã ban hành nhiều văn bản liên quan đến quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy hiệu quả các nguồn lực của nền kinh tế. Trên cơ sở đó, các sở, ban, ngành tỉnh và UBND huyện, thị xã, thành phố đã lồng ghép vào chương trình công tác của cấp ủy, chính quyền triển khai thực hiện đồng bộ trên địa bàn tỉnh.

Nhằm thực hiện hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực kinh tế của tỉnh hàng năm. Tỉnh ủy ban hành 07 Nghị quyết, 07 Chương trình, 06 Đề án; Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành 44 Nghị quyết về cơ chế, chính sách; UBND tỉnh ban hành 26 Quyết định quy phạm pháp luật để thực hiện cơ chế, chính sách theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và ban hành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công.

Tài liệu đính kèm: (i) Phụ lục Danh mục các văn bản quy phạm pháp luật đã được rà soát, sửa đổi, bổ sung, xây dựng và ban hành mới; các cơ chế, chính sách theo thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang kể từ khi ban hành Nghị quyết đến hết năm 2023 và (ii) Chương trình số 218-CTr/TU.

Phần II
KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN
NGHỊ QUYẾT SỐ 39-NQ/TW, CHƯƠNG TRÌNH SỐ 218-CTr/TU

1. Kết quả triển khai thực hiện các quan điểm và mục tiêu của Nghị quyết

1.1. Kết quả triển khai thực hiện các quan điểm

Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và mọi tầng lớp nhân dân trong công tác quản lý, khai thác, sử dụng các nguồn lực của nền kinh tế tỉnh.

Khắc phục các tồn tại trong quản lý, khai thác, sử dụng các nguồn lực; phân bổ và sử dụng các nguồn lực ngày càng hợp lý và hiệu quả.

Đa dạng hóa các hình thức huy động và sử dụng nguồn lực; thúc đẩy xã hội hóa, thu hút mạnh mẽ các nguồn lực đầu tư ngoài nhà nước, trong đó tập trung vào nguồn lực tài nguyên thiên nhiên. Tập trung khai thác tối đa tiềm năng khoa học và công nghệ cho phát triển kinh tế - xã hội.

Tất cả các nguồn lực kinh tế của tỉnh được kiểm kê, đánh giá, thống kê đầy đủ trong nền kinh tế; được quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tiết kiệm, hợp lý, phát huy tối đa hiệu quả và phát triển bền vững.

Quy hoạch tỉnh Hậu Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1588/QĐ-TTg ngày 08/12/2023 là cơ sở để tỉnh Hậu Giang phát huy nguồn lực, phát triển nhanh, bền vững, toàn diện, bao trùm.

1.2. Kết quả triển khai các mục tiêu

1.2.1. Kết quả thực hiện mục tiêu tổng quát

Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, huy động, phân bổ, sử dụng các nguồn lực của nền kinh tế nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, đưa Hậu Giang trở thành tỉnh khá của vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Tăng trưởng kinh tế của tỉnh là điểm sáng trong bức tranh tăng trưởng kinh tế của cả nước. Các năm qua, tỉnh Hậu Giang liên tục tăng trưởng cao hơn bình quân khu vực và cả nước, đánh dấu sự phát triển bứt phá trong 20 năm thành lập tỉnh. Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) năm 2019 đạt 6,5%, thấp hơn 0,52% so với bình quân cả nước (cả nước tăng trưởng 7,02%), năm 2020 đạt 4,53%, cao hơn 1,62% so với bình quân cả nước (cả nước tăng trưởng 2,91%), năm 2021 đạt 3,28%, cao hơn 0,72% so với bình quân cả nước (cả nước tăng trưởng 2,56%); năm 2022 đạt 13,94%, mức cao nhất kể từ khi thành lập tỉnh, đứng thứ tư cả nước, cao hơn 5,92% so với bình quân cả nước (cả nước tăng trưởng 8,02%); năm 2023 đạt 12,27%, tăng trưởng

kinh tế vươn lên đứng thứ hai cả nước, cao hơn 7,22% so với bình quân cả nước (cả nước tăng trưởng 5,05%). Tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm (tính từ năm 2019 đến năm 2023) là 8,06%. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng định hướng, giảm tỷ trọng khu vực nông - lâm - thủy sản, tăng khu vực công nghiệp - xây dựng.

GRDP bình quân đầu người năm 2019 đạt 47,99 triệu đồng, đến năm 2023 đạt 80,33 triệu đồng, tương đương 3.239 USD, tăng 67,39% so với năm 2019, đứng thứ 4/13 tỉnh, thành phố vùng đồng bằng sông Cửu Long (sau Long An, Cần Thơ và Trà Vinh).

1.2.2. Kết quả thực hiện các mục tiêu cụ thể

(1) Đối với nguồn nhân lực:

Kết quả thực hiện giai đoạn 2019 - 2023:

- Tỷ trọng lao động qua đào tạo tăng từ 55,68% (năm 2019) lên 67,8% (năm 2023). So với mục tiêu Chương trình số 218-CTr/TU đến năm 2025, tỷ trọng qua đào tạo đạt 65%, mục tiêu này vượt 2,8% kế hoạch.

- Tỷ trọng lao động làm việc trong khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng từ 48,91% (năm 2019) lên 56,85% (năm 2023). So với mục tiêu Chương trình số 218-CTr/TU đến năm 2025, tỷ trọng lao động làm việc trong khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản dưới 47% tổng số lao động của tỉnh, mục tiêu này vẫn còn cao 9,25% so với kế hoạch.

- Đến nay, tỉnh đã cơ bản đào tạo, tuyển dụng cung ứng lao động cho các doanh nghiệp trên địa bàn; hoàn thành sắp xếp các cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nhân lực lãnh đạo chủ chốt các cấp, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện, cơ bản về công tác cán bộ gắn với cơ chế tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ nhân tài và tuyển chọn, bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp trong hệ thống chính trị tỉnh là đột phá thứ nhất trong ba nhiệm vụ đột phá chiến lược của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Đánh giá khả năng hoàn thành các mục tiêu cụ thể đến năm 2025, 2035, 2045: Hậu Giang sẽ đạt và vượt các mục tiêu đề ra theo Chương trình số 218-CTr/TU, do phát huy hiệu quả các cơ chế chính sách, nghị quyết, chương trình, đề án, kế hoạch về nguồn nhân lực được ban hành đồng bộ trong giai đoạn 2019 - 2023.

(2) Đối với nguồn vật lực

Kết quả thực hiện giai đoạn 2019 - 2023:

- Tỉnh ủy chỉ đạo sâu sát, hiệu quả công tác quản lý và sử dụng tài nguyên, nhất là tài nguyên về đất đai; Tỉnh ban hành bộ tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư vào

khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hậu Giang^[1]. Cơ quan quản lý nhà nước các cấp thực hiện tốt các trình tự, thủ tục về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, góp phần khai thác và phát huy có hiệu quả nguồn lực đất đai phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, phát hiện, xử lý vi phạm. Công tác cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đạt 98,11%. Công tác quản lý, khai thác quỹ đất được quan tâm, đã tổ chức đấu giá 08 dự án với giá trị trúng đấu giá là 403,462 tỷ đồng, thu nộp ngân sách tiền sử dụng đất thông qua công tác phát triển quỹ đất với số tiền 422,859 tỷ đồng.

- Tỉnh đã thành lập Ban Chỉ đạo thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư do đồng chí Bí thư Tỉnh ủy làm Trưởng ban, với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị. Kết quả đã hoàn thành vượt tiến độ giải phóng mặt bằng nhiều dự án, công trình trọng điểm như: dự án cao tốc Cần Thơ - Hậu Giang - Cà Mau; cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Hậu Giang - Sóc Trăng; các khu, cụm công nghiệp; các dự án giao thông, công trình trọng điểm của quốc gia và của tỉnh.

- Lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý đúng quy định, đã tiếp nhận và thẩm định 185 hồ sơ về tài nguyên nước và khoáng sản. Tổ chức triển khai thực hiện tốt Chương trình số 97-CTr/TU ngày 04/4/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Đến năm 2025: theo Chương trình số 218-CTr/TU, thực hiện đạt và vượt mục tiêu đề ra.

Đến năm 2035:

- Phát triển các công cụ điều tiết thị trường quyền sử dụng đất. Kiểm soát tình hình ô nhiễm nguồn nước; phục hồi 25% diện tích hệ sinh thái tự nhiên bị suy thoái. Hoàn thiện hệ thống mạng quan trắc tài nguyên, môi trường theo hướng tự động hóa. Hoàn thành việc xây dựng đồng bộ cơ sở dữ liệu ngành tài nguyên, môi trường và hệ thống thông tin giám sát tài nguyên.

- Bảo đảm hệ thống cơ sở vật chất và hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, kết nối thuận tiện, nhanh chóng trên địa bàn tỉnh.

Đến năm 2045: hoàn thiện cơ sở hạ tầng đồng bộ, hiện đại, kết nối thông suốt trong nước với quốc tế, ngang bằng các nước phát triển.

(3) Đối với nguồn tài lực

Kết quả thực hiện giai đoạn 2019 - 2023:

^[1] Quyết định số 1748/QĐ-UBND, ngày 17/10/2022 của UBND tỉnh ban hành quy định tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư vào khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

- Các đơn vị, các địa phương triển khai đồng bộ, đầy đủ các giải pháp thu ngân sách nhà nước ngay từ đầu năm; tập trung phân tích, rà soát từng khoản thu, sắc thuế, nhằm đánh giá nguyên nhân tác động để khai thác tốt các nguồn thu tiềm năng; đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, chống thất thu thuế và xử lý nợ đọng thuế gắn với cải cách thủ tục hành chính thuế.

- Giai đoạn 2019 - 2023, thu ngân sách nhà nước trên địa bàn là 25.435 tỷ đồng, tăng bình quân 11%/năm. Trong đó, thu nội địa là 22.917 tỷ đồng, thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu là 2.516 tỷ đồng.

- Tổng chi ngân sách địa phương là 52.743 tỷ đồng, tăng bình quân 10%/năm. Trong đó, chi đầu tư phát triển là 16.450 tỷ đồng, tăng bình quân 19%/năm; chi thường xuyên là 23.035 tỷ đồng, tăng bình quân 5%/năm.

- Các tổ chức tín dụng trên địa bàn đã thực hiện tốt các giải pháp điều hành hoạt động; chủ động, cân đối nguồn vốn, tập trung tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất, lĩnh vực ưu tiên; Chương trình mục tiêu quốc gia; các chương trình, Đề án trọng tâm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; thực hiện tốt chính sách phục hồi và phát triển kinh tế của Quốc hội, Chính phủ; tập trung triển khai các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho khách hàng bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch bệnh, nhất là dịch COVID-19; tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận vốn tín dụng phục vụ nhu cầu sản xuất, kinh doanh. Từ năm 2019 đến nay, nguồn vốn huy động tăng trưởng bình quân 15%/năm, đáp ứng hoạt động tín dụng; dư nợ tăng trưởng bình quân 14,69%/năm, đáp ứng nhu cầu vay vốn của các thành phần kinh tế, phục vụ sản xuất, kinh doanh; tỷ lệ nợ xấu được kiểm soát, theo đúng chỉ tiêu đề ra.

- Các mục tiêu đã đạt và vượt theo Chương trình số 218-CTr/TU đề ra.

Đến năm 2035, xây dựng Hậu Giang trở thành tỉnh có nền sản xuất công nghiệp phát triển ở mức khá, không còn là tỉnh khó khăn về phát triển kinh tế.

- Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2026 - 2030 đạt từ 10% - 12%/năm (hoặc cao hơn trung bình cả nước và vùng khoảng 1%).

- Cân đối được thu, chi ngân sách, không phụ thuộc quá lớn vào nguồn Trung ương hỗ trợ. Thu ngân sách trên địa bàn tăng bình quân 15%/năm. Chi ngân sách tăng bình quân 7,1%/năm.

- Đổi mới mô hình tăng trưởng, chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu kinh tế, tỷ trọng công nghiệp đóng góp trên 40% GRDP và tỷ trọng nông nghiệp trong GRDP giảm xuống dưới 15%.

- Tăng dần tỷ suất nhập cư và hướng tới trở thành một địa phương có tỷ suất nhập cư thuần dương.

- Bộ mặt nông thôn và thu nhập hộ gia đình được cải thiện mạnh mẽ, phần đầu nằm trong nhóm 04 tỉnh, thành phố có thu nhập bình quân đầu người cao nhất vùng đồng bằng sông Cửu Long.

- Phát triển hệ thống các tổ chức tín dụng đủ năng lực cạnh tranh trên thị trường nội địa, từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh các tỉnh, thành trong và ngoài nước.

Đến năm 2045: Hậu Giang là tỉnh có trình độ phát triển khá của cả nước, trung tâm sản xuất công nghiệp và logistics của vùng đồng bằng sông Cửu Long; các lĩnh vực văn hóa, xã hội phát triển toàn diện, môi trường sống trong lành, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu; quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm, người dân có cuộc sống phồn vinh, văn minh, hạnh phúc.

2. Kết quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp

2.1. Các nhiệm vụ, giải pháp chung

Hoàn thiện đồng bộ hệ thống cơ chế, chính sách; tập trung ưu tiên xây dựng các cơ chế, chính sách tạo lập môi trường kinh doanh lành mạnh, thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân, nhất là cơ chế, chính sách đặc thù, ưu đãi đặc biệt trên một số lĩnh vực thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã theo hướng ưu đãi, cạnh tranh so với các địa phương khác. Đây cũng là đột phá thứ hai trong ba nhiệm vụ đột phá chiến lược của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Tập trung cải cách hành chính mạnh mẽ, nâng cao chất lượng và cải thiện vị trí xếp hạng các chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh từng năm và cả nhiệm kỳ. Xây dựng chính quyền điện tử, thực hiện chuyển đổi số các ngành, lĩnh vực, phát triển đô thị thông minh kinh tế số; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong mọi hoạt động kinh tế - xã hội. Kết quả các chỉ số năm 2023 đều tăng thứ bậc so với năm 2022^[1].

Thực hiện mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Xác định phát triển công nghiệp là động lực tăng trưởng. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng định hướng, giảm tỷ trọng khu vực I, tăng khu vực II. Khu vực I còn 21,95%, giảm 2,01%; khu vực II: 35,68%, tăng 5,44%; khu vực III: 34,37%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm 8,01%.

Chú trọng xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển công nghiệp, hạ tầng giao thông đồng bộ, thuận lợi cho nhà đầu tư. Đây cũng là đột phá thứ ba trong ba nhiệm vụ đột phá chiến lược của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020 - 2025. Tỉnh đã phối hợp với Đại học Fulbright xây dựng định hướng Chiến lược phát triển tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Trong đó, đi sâu phân tích đánh giá điểm mạnh, điểm yếu, nhận diện rõ cơ hội và thách thức, điểm nghẽn. Từ đó, đưa ra nhiều quyết sách quan trọng đưa Hậu Giang thoát khỏi “vòng xoáy đi xuống”. Đồng thời, làm cơ sở quan trọng để xây dựng Quy hoạch tỉnh Hậu Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

^[1] Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX): Xếp thứ 19/63 tỉnh, thành phố cả nước, tăng 1 bậc; Chỉ số hài lòng của người dân và tổ chức (SIPAS): Xếp thứ 29/63 tỉnh, thành phố cả nước, tăng 4 bậc.

Quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc, sâu sắc các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Chỉ đạo Trung ương và đồng chí Tổng Bí thư - Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Qua đó, nhận thức của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu về công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực được nâng lên, xem đây là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên của các cấp ủy.

Chủ động tận dụng thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư để phát triển kinh tế - xã hội; xây dựng Chính quyền điện tử, đô thị thông minh và chuyển đổi số của tỉnh tiếp tục được đẩy mạnh, đạt được một số kết quả tích cực. Nhiều hoạt động thiết thực được chỉ đạo thực hiện và mang lại hiệu quả lan tỏa trong xã hội. Tổ chức thành công Tuần lễ thúc đẩy Chuyển đổi số phát triển kinh tế vùng - Hậu Giang năm 2022 và Tuần lễ chuyển đổi số và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo - Mekong Delta 2023. Tỉnh đã thành lập Khu công nghệ số tỉnh Hậu Giang và đã có 4 doanh nghiệp đang hoạt động, tiếp tục thu hút doanh nghiệp thông qua Hội thảo thuộc chuỗi Tuần lễ chuyển đổi số năm 2023. Triển khai các hoạt động giám sát, điều hành đô thị thông minh giúp giám sát tình hình hoạt động các dịch vụ đô thị, phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của chính quyền địa phương.

2.2. Các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đối với từng nguồn lực

2.2.1. Đối với nguồn nhân lực

Nâng cao nhận thức, quản lý, khai thác, sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực.

- Tỉnh ủy đã ban hành đồng bộ các văn bản, cơ chế, chính sách để thực hiện nhiệm vụ đột phá thứ nhất: Bám sát các chủ trương, nghị quyết, quy định của Trung ương, Tỉnh ủy đã cụ thể hóa đột phá chiến lược về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực với 03 nghị quyết^[3], 05 đề án^[4], 01 quy định^[5], 01 kế hoạch^[6] về công tác cán bộ, trong đó có nhiều giải pháp mới, đột phá; hoàn thành phê duyệt Đề án vị trí việc làm trong các cơ quan hành chính, sự nghiệp công lập theo chỉ đạo của Chính phủ. Các nghị quyết, đề án có ý nghĩa rất quan trọng, cấp thiết nhằm tạo đột phá hiện thực hoá mục tiêu nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, nhất là tăng cường đội ngũ cán bộ trẻ, có phẩm chất đạo đức, trình độ, năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phát triển trong giai đoạn mới.

^[3] Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 01/6/2022 về phát triển nguồn nhân lực tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030; Nghị quyết số 15-NQ/TU ngày 13/7/2023 về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Hậu Giang đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững; Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 14/7/2023 về chiến lược phát triển bền vững giáo dục và đào tạo tỉnh Hậu Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

^[4] Đề án số 04-ĐA/TU ngày 01/6/2022 về thí điểm đổi mới cách thức tuyển chọn chức danh lãnh đạo, quản lý trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; Đề án số 05-ĐA/TU ngày 01/6/2022 về việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt các cấp; Đề án số 06-ĐA/TU ngày 01/5/2023 về việc thí điểm đổi mới tinh giản biên chế gắn với tuyển dụng cán bộ trẻ ngang tầm nhiệm vụ; Đề án số 07-ĐA/TU ngày 14/7/2023 về xây dựng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục đủ phẩm chất, năng lực ngang tầm nhiệm vụ giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030; Đề án số 09-ĐA/TU ngày 05/01/2024 quy định tạm thời về vị trí việc làm các cơ quan, đơn vị sự nghiệp của Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh Hậu Giang.

^[5] Quy định số 1120-QĐ/TU ngày 01/6/2022 về Bộ tiêu chí đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

^[6] Kế hoạch số 187-KH/TU ngày 23/6/2023 về quán triệt, triển khai, tuyên truyền Đề án “Thí điểm đổi mới tinh giản biên chế gắn với tuyển dụng cán bộ trẻ ngang tầm nhiệm vụ”.

- Quán triệt quan điểm giáo dục là quốc sách hàng đầu, đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho phát triển, Tỉnh ủy đã chỉ đạo các cấp ủy, chính quyền bố trí nhiều nguồn lực, ban hành nhiều cơ chế, chính sách để phát triển giáo dục. Đến cuối năm 2023, toàn tỉnh có 315 trường từ mầm non đến trung học phổ thông, có 262 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 83,17%, có 8.665 giáo viên, cán bộ quản lý, trong đó có 8.215 giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn, chiếm tỷ lệ 94,81%; 1.565 giáo viên, cán bộ quản lý trên chuẩn, chiếm tỷ lệ 19,05% trong giáo viên, cán bộ đạt chuẩn; chất lượng giáo dục được cải thiện và nâng lên, môi trường sư phạm được xây dựng theo hướng lành mạnh, chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, ý thức, trách nhiệm công dân của học sinh, học viên đối với xã hội, cộng đồng. Tăng cường công tác đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn trường học, phòng chống tội phạm, bạo lực, tệ nạn xã hội môi trường giáo dục, đào tạo.

- Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết về Chiến lược phát triển bền vững giáo dục và đào tạo tỉnh Hậu Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Đề án xây dựng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục đủ phẩm chất, năng lực ngang tầm nhiệm vụ giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030 để tiếp tục nâng cao chất lượng dạy và học, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh, phục vụ yêu cầu phát triển trong giai đoạn hiện nay.

- Thực hiện đúng cơ chế, chính sách về phát triển, quản lý và sử dụng nguồn nhân lực, nhất là luật pháp về lao động tiền lương, giáo dục - đào tạo, bảo hiểm xã hội. Đổi mới công tác quản lý và phương thức hoạt động của các đoàn thể, các tổ chức quần chúng, xã hội, nghề nghiệp trong phát triển nguồn nhân lực.

- Mạng lưới y tế, đặc biệt là y tế cơ sở được củng cố và phát triển. Ngân sách nhà nước và nguồn lực xã hội đầu tư cho bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân được tăng cường, tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế (BHYT) ngày càng cao. Công tác khám, chữa bệnh đã có bước chuyển biến; nhiều kỹ thuật mới, kỹ thuật cao đã được thực hiện, chất lượng chuyên môn y tế các tuyến được nâng lên.

- Trong giai đoạn dịch COVID-19 bùng phát, cả hệ thống chính trị đã quán triệt và thực hiện nghiêm quan điểm, các văn bản chỉ đạo phòng, chống dịch của Trung ương, đồng thời vận dụng sáng tạo, linh hoạt vào tình hình thực tiễn địa phương, chủ động xây dựng các văn bản, kịch bản, phương án ứng phó thành công với tình hình dịch bệnh COVID-19^[7], trong đó có nhiều giải pháp mang tính đổi mới, sáng tạo, quyết định hiệu quả công tác phòng, chống dịch của tỉnh như: Kịch bản xử lý tình huống T+1; phát huy hệ thống loa đài ở ấp, khu vực; vận động “người dân giám sát người dân”; thi đua thiết lập “vùng xanh”; quán triệt 03 trụ cột

^[7] Kiện toàn ban chỉ đạo, sở chỉ huy các cấp; Kết luận số 101-KL/TU ngày 8/3/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục đẩy mạnh công tác phòng, chống dịch COVID-19 trên địa bàn Tỉnh; Chỉ thị số 09-CT/TU ngày 20/7/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng, chống dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh trong tình hình mới; Chỉ thị số 08/CT-UBND, ngày 18/7/2021 của UBND tỉnh về việc triển khai các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang. Đồng thời, Tỉnh đã thành lập Ban Chỉ đạo và Sở Chỉ huy phòng, chống dịch COVID-19 tỉnh theo tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. Kết luận các cuộc họp của Ban Chỉ đạo đều được văn bản hóa kịp thời.

trong công tác phòng, chống dịch^[8]. Kết quả, tỉnh Hậu Giang là tỉnh có ca F0, ca chuyển nặng và tử vong thấp nhất khu vực đồng bằng sông Cửu Long và nằm trong nhóm các tỉnh kiểm soát dịch COVID-19 tốt của cả nước.

Đổi mới công tác quản lý, sử dụng, đánh giá và đào tạo nguồn nhân lực.

- Tỉnh ủy ban hành Quy định số 1120-QĐ/TU, ngày 01/6/2022 về “Bộ tiêu chí đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trên địa bàn tỉnh Hậu Giang”, tạo bước chuyển biến mới về nhận thức và hành động, góp phần quan trọng khắc phục điểm yếu trong công tác đánh giá cán bộ. Từ đó, công tác đánh giá, xếp loại hàng năm đi vào thực chất hơn, phản ánh đúng năng lực của từng cán bộ, công chức, viên chức, góp phần giúp cấp ủy, chính quyền có cơ sở xem xét, đánh giá toàn diện cán bộ, làm tiền đề sắp xếp, bố trí hợp lý tổ chức bộ máy.

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng trong nước và nước ngoài, đào tạo chuyên sâu, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, năng lực lãnh đạo, quản lý các cấp. Quan tâm chỉ đạo công tác đào tạo đội ngũ cán bộ trẻ, nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số, cán bộ chủ chốt cấp cơ sở.

- Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đào tạo sau đại học và thu hút nhân lực tỉnh Hậu Giang (Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND); Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng giai đoạn 2019 - 2020 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang (Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND); Nghị quyết quy định mức chi hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức phụ trách công nghệ thông tin trong các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc tỉnh Hậu Giang (Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND); Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ sau đào tạo đại học, khuyến khích tự đào tạo sau đại học, thu hút nhân lực, biệt phái và luân chuyển trên địa bàn tỉnh Hậu Giang (Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND); Nghị quyết quy định hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức tự nguyện tinh giản biên chế giai đoạn 2024 - 2026 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang (Nghị quyết số 05/2024/NQ-HĐND).

- Toàn tỉnh có 16 cơ sở giáo dục nghề nghiệp^[9]. Qua 05 năm, đã có 49.998 người được hỗ trợ đào tạo nghề và sau khi tốt nghiệp, có trên 80% lao động được các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh tuyển dụng vào làm việc, được bao tiêu sản phẩm sau học nghề hoặc tạo việc làm có thu nhập tăng thêm; đời sống vật chất và tinh thần của công nhân, lao động trong tỉnh có những bước cải thiện khá, thu nhập ổn định hơn.

Phát triển thị trường lao động hoạt động hiệu quả.

- Công tác giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh ở trong và ngoài nhà trường đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông được chú trọng, giúp học sinh sớm định hướng nghề nghiệp trong tương lai.

^[8] (1) Cách ly nhanh nhất, hẹp nhất, nghiêm ngặt nhất có thể, có mục tiêu, lộ trình để có giải pháp phù hợp, hiệu quả sớm kết thúc cách ly, phong tỏa, (2) xét nghiệm thần tốc, nhanh hơn tốc độ lây lan của dịch, đảm bảo khoa học, hợp lý, hiệu quả, tiết kiệm, (3) điều trị tích cực từ sớm, từ xa, ngay tại cơ sở.

^[9] 03 trường Cao đẳng, 01 trường Trung cấp, 10 Trung tâm dạy nghề, 02 cơ sở đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp; quy mô đào tạo mỗi năm 13.500 lao động (trong đó: Cao đẳng: 500 người, trung cấp: 1.000 người, sơ cấp: 12.000 người)

- Qua 5 năm thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW, tỉnh Hậu Giang đã giải quyết việc làm và tạo việc làm mới cho 86.926 lao động, bình quân vượt 16% kế hoạch/năm; đào tạo nghề cho 49.998 người, bình quân vượt 35% kế hoạch/năm. Hỗ trợ tuyển dụng và giới thiệu, cung ứng lao động cho các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh. Công tác hỗ trợ người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài được quan tâm. Tỉnh đã ký kết với đối tác Hàn Quốc để đưa người lao động đi làm việc thời vụ tại Hàn Quốc.

2.2.2. Đối với nguồn vật lực

Đối với nguồn lực tài nguyên thiên nhiên.

- Tỉnh ủy ban hành Chương trình số 139-CTr/TU ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII “về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao”.

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về khoáng sản, tài nguyên áp dụng phương pháp tiên tiến trong quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động khai thác, chế biến, xuất khẩu khoáng sản, tài nguyên thiên nhiên; quản lý bảo vệ môi trường, xử lý nghiêm việc khai thác không phép, trái phép.

- Thực hiện nhiệm vụ Điều tra, đánh giá tài nguyên nước mặt; xác định các đặc trưng cơ bản, đánh giá diễn biến, lập bản đồ tài nguyên nước mặt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang và nhiệm vụ Xây dựng hệ thống giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Hậu Giang. Hoàn chỉnh phương án cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước và phương án hạn chế khai thác nước ngầm trên địa bàn tỉnh.

- Công tác quản lý Nhà nước về đất đai được chặt chẽ, đúng quy định pháp luật, đảm bảo trình tự, thủ tục về quy hoạch, thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất.

- Các địa phương tiếp tục triển khai Đề án Hậu Giang xanh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Tổ chức thực hiện hoàn thành công tác quan trắc môi trường. Nhiều chỉ tiêu quan trọng về môi trường đạt kết quả tích cực. Cuối năm 2023, tỷ lệ dân số thành thị sử dụng nước sạch đạt 98%, tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đạt 90,77%, tỷ lệ rác thải sinh hoạt ở đô thị và nông thôn được thu gom và xử lý đạt 92%.

- Trên địa bàn đã triển khai nhiều dự án ứng phó với biến đổi khí hậu như: Dự án Nạo vét kênh trục tỉnh Hậu Giang; Kè chống sạt lở kênh xáng Xà No giai đoạn 3; Kè chống sạt lở thị trấn Cây Dương, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang; Kè chống sạt lở sông Mái Dầm (đoạn từ ngã ba trạm y tế đến UBND xã Đông Phước và đoạn từ Cầu BOT đến Vàm kênh Cái Muồng Cụt, huyện Châu Thành); Xây dựng bản đồ nông hóa thổ nhưỡng phục vụ định hướng vùng sản xuất nông nghiệp tỉnh Hậu Giang; Dự án di dời dân từ khu bảo vệ nghiêm ngặt ra khu sản xuất của Khu Bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

- Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, sản phẩm phù hợp với lợi thế và nhu cầu thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn. Công tác phòng chống thiên tai được chỉ đạo sát sao; chủ động ứng phó, kịp thời khắc phục hậu quả, góp phần giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra.

- Thường xuyên thực hiện tuần tra bảo vệ rừng, bảo vệ nguồn lợi thủy sản và động vật hoang dã. Thực hiện quản lý nhà nước với 3.793,69 ha đất rừng (rừng đặc dụng 1.443,35 ha và rừng sản xuất 2.350,34 ha) theo đúng quy định.

Đối với nguồn lực cơ sở vật chất và hạ tầng kinh tế - xã hội.

- Thực hiện Quyết định số 952/QĐ-TTg ngày 03/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Hậu Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch tỉnh), tỉnh Hậu Giang đã triển khai công tác lập Quy hoạch tỉnh với mục tiêu hình thành khuôn khổ pháp lý, làm cơ sở để xây dựng đồng bộ các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế; biến tiềm lực thành nguồn lực, đưa tỉnh Hậu Giang trở thành tỉnh khá trong vùng đồng bằng sông Cửu Long và cả nước. Quy hoạch tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 1588/QĐ-TTg ngày 08/12/2023.

- Xác định trọng tâm là phát triển hạ tầng công nghiệp, giao thông kết nối phục vụ phát triển công nghiệp. Tỉnh đã phối hợp với Bộ Giao thông vận tải và các tỉnh, thành phố trong khu vực triển khai các tuyến cao tốc đi qua địa bàn đảm bảo tiến độ theo chỉ đạo của Chính phủ, cụ thể:

+ Dự án đường bộ cao tốc Cần Thơ - Cà Mau thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025 đi qua 16 xã, thị trấn thuộc 04 huyện của tỉnh Hậu Giang; có chiều dài khoảng 63,6 Km/110,93 Km toàn tuyến; có 04 nút giao: Nút giao IC3 (giao với Quốc lộ 1); Nút giao IC4, IC5 (giao với Quốc lộ 61); Nút giao IC6 (giao với Đường tỉnh 930). Dự án đã được Thủ tướng Chính phủ phát lệnh khởi công vào ngày 01/01/2023.

+ Dự án thành phần 3 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1 đã được UBND tỉnh phê duyệt dự án tại Quyết định số 2248/QĐ-UBND ngày 30/12/2022, đi qua địa bàn 08 xã và thị trấn của huyện Châu Thành A, huyện Phụng Hiệp, với chiều dài 36,682km/188,2km toàn tuyến, có 03 nút giao liên thông: Nút giao với Quốc lộ 61C tại Km104+746, Nút giao với Dự án thành phần đoạn Cần Thơ - Hậu Giang thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025 tại Km111+933, Nút giao với Đường tỉnh 927 (thị trấn Cây Dương) tại Km121+993. Ngày 17/6/2023, UBND tỉnh đã phối hợp với Bộ Giao thông vận tải và 03 tỉnh, thành phố có dự án đi qua tổ chức khởi công dự án vào ngày 17/6/2023.

- Đôn đốc triển khai kết quả Hội nghị xúc tiến đầu tư của tỉnh năm 2022, trong đó có 12 dự án được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, chủ trương đầu tư với tổng mức đầu tư 18.997 tỷ đồng: Có 03 dự án^[10] đã khởi công, đang triển khai thi công;

^[10] Khu đô thị Trung tâm thành phố Ngã Bảy (Khu D); Trung tâm ươm tạo công nghệ và hỗ trợ đổi mới sáng tạo; Nhà máy Điện sinh khối Hậu Giang

01 dự án^[11] vừa thi công vừa thu hồi đất; 06 dự án^[12] đang thực hiện thủ tục thu hồi đất; 01 dự án^[13] đang làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, 01 dự án^[14] trình Thủ tướng Chính phủ xin chuyển mục đích đất trồng lúa.

- Công tác xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông được tập trung đầu tư, các tuyến đường bộ được duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa theo quy định, đảm bảo giao thông thông suốt. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội qua 5 năm thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW được 99.431 tỷ đồng, tăng bình quân 5%/năm. Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, tỉnh Hậu Giang ưu tiên các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng tạo sức lan tỏa lớn, phục vụ phát triển công nghiệp và dịch vụ logistics trên địa bàn huyện Châu Thành và Châu Thành A, các dự án theo hai hành lang kinh tế là cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng và cao tốc Cần Thơ - Cà Mau; hạ tầng y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao, an sinh xã hội; hạ tầng kỹ thuật đô thị tại bốn vùng kinh tế - xã hội động lực đã được xác định trong Kế hoạch để thu hút các nguồn vốn đầu tư, bảo đảm cơ cấu đầu tư hợp lý, hiệu quả.

- Công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực quy hoạch được chú trọng. Tỷ lệ phủ kín quy hoạch chung các đô thị đạt 100%, quy hoạch phân khu đạt 62,6% và quy hoạch chi tiết đô thị đạt 37,9%. Công tác phát triển đô thị tiếp tục phát triển, tỷ lệ đô thị hóa đạt 30,55%.

- UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 217/KH-UBND ngày 20/11/2023 về triển khai đầu tư xây dựng nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang, với tổng diện tích sàn dự kiến 262.390 m², tổng diện tích đất toàn dự án 37,17 ha.

- Tỷ lệ Trạm y tế xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế đạt 100%; có 9,32 bác sĩ trên 10.000 người dân; có 35,8 giường bệnh trên 10.000 người dân.

- Đầu tư, phát triển hạ tầng mạng lưới và chất lượng dịch vụ trong hoạt động bưu chính, viễn thông được các doanh nghiệp quan tâm triển khai, thực hiện. Tỉnh đã thành lập Khu công nghệ số; Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh tỉnh Hậu Giang và 01 Trung tâm tại thành phố Ngã Bảy, giúp cho việc quản lý, điều hành về kinh tế, xã hội hiệu quả; người dân được sinh sống, làm việc với nền kinh tế số, xã hội số.

- Toàn tỉnh có 03 đơn vị cấp huyện được công nhận hoàn thành/đạt chuẩn nông thôn mới, 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, 08 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 40/51 xã đạt chuẩn nông thôn mới, đạt 78,43%. Số tiêu chí đạt bình quân toàn tỉnh là 17,8 tiêu chí/xã.

^[11] Khu dân cư thương mại Vị Thanh.

^[12] 1. Trung tâm công nghiệp thực phẩm Miền Tây 2; 2. Khu đô thị mới khu vực 4, phường V, thành phố Vị Thanh; 3. Mở rộng Nhà xưởng, nhà kho, bãi cho thuê; 4. Khu nhà ở xã hội tại ấp Mái Dầm, xã Đại Thành, thành phố Ngã Bảy; 5. Khu đô thị mới Cái Tắc - Thạnh Hòa; 6. Khu đô thị mới Ngã Bảy 3.

^[13] Nhà máy chế biến gạo chất lượng cao Vị Dân.

^[14] Khu đô thị mới phường V, TP Vị Thanh và ấp 7, xã Vị Trung, huyện Vị Thủy.

2.2.3. Đối với nguồn tài lực

Xác định Quy hoạch tỉnh là khởi nguồn và là kim chỉ nam trong sự phát triển của tỉnh, với tinh thần quy hoạch phải đi trước một bước, có tư duy đột phá, tầm nhìn chiến lược, lâu dài. Xây dựng, thực hiện tốt các cơ chế, chính sách thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển; tăng cường hợp tác công tư, lấy nguồn lực Nhà nước kích hoạt, dẫn dắt mọi nguồn lực hợp pháp khác. Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 23/12/2022 về nâng cao hiệu quả triển khai Quy hoạch và thu hút đầu tư tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2030 và các năm tiếp theo.

Các đơn vị, các địa phương triển khai đồng bộ, đầy đủ các giải pháp thu ngân sách nhà nước ngay từ đầu kỳ kế hoạch; tập trung phân tích, rà soát từng khoản thu, sắc thuế, nhằm đánh giá nguyên nhân tác động để khai thác tốt các nguồn thu tiềm năng; đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, chống thất thu thuế và xử lý nợ đọng thuế gắn với cải cách thủ tục hành chính thuế.

Triển khai thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ của ngành Ngân hàng trong việc thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội theo các Nghị quyết của Quốc hội, của Chính phủ; tiếp tục ưu tiên nguồn vốn phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, hỗ trợ thực hiện các chương trình, đề án trọng tâm của tỉnh. Nợ xấu trên địa bàn được kiểm soát tốt, tỷ lệ nợ xấu ở mức thấp theo đúng mục tiêu đề ra.

Chú trọng công tác cập nhật, tuyên truyền, hướng dẫn, triển khai thực hiện các văn bản quy định về quản lý, sử dụng tài sản công của Chính phủ, Bộ, ngành Trung ương đến các cơ quan, đơn vị, tổ chức trên địa bàn tỉnh được thực hiện kịp thời, đảm bảo cho công tác quản lý, sử dụng tài sản công đúng theo quy định.

UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2496/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp lại, xử lý nhà, đất trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; đồng thời, tập trung chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh thực hiện sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo phương án được phê duyệt.

Thực hiện Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 39/KH-UBND ngày 05/4/2017 thực hiện chuyển các đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần trong giai đoạn 2017 - 2020. Đến năm 2023, Tỉnh đã hoàn thành chuyển 08/08 đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần.

3. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

3.1. Đối với nguồn nhân lực:

- Dân số có xu hướng giảm. Nguyên nhân, các khu, cụm công nghiệp của tỉnh đang trong quá trình triển khai hình thành nên chưa tạo việc làm mới cho

người dân, sau khi dịch bệnh COVID-19 được kiểm soát người lao động đã quay trở lại các thành phố, trung tâm công nghiệp làm việc.

- Công tác bảo đảm an sinh xã hội, giảm nghèo còn nhiều thách thức. Đời sống một bộ phận người dân còn khó khăn; xuất hiện tình trạng một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức nghỉ việc, chuyển việc, nhất là trong lĩnh vực y tế, giáo dục.

3.2. Đối với nguồn vật lực:

- Hậu Giang là tỉnh hạn chế tiềm năng khoáng sản, hiện tại chỉ ghi nhận 3 loại khoáng sản gồm sét gạch ngói, than bùn và cát san lấp với trữ lượng vừa và nhỏ. Không đáp ứng cho việc phát triển kinh tế một cách vượt bậc.

- Địa hình có cao độ thấp, chịu ảnh hưởng nghiêm trọng của tác động biến đổi khí hậu. Tình trạng ngập lũ, tiêu thoát nước kém vào mùa mưa và xâm nhập mặn vào mùa khô ảnh hưởng đến đời sống và phát triển nông nghiệp. Diện tích đất phèn khá lớn làm hạn chế trong canh tác nông nghiệp vừa gây tổn kém trong đầu tư hệ thống thủy lợi và cải tạo đất.

- Nguồn lực đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu qua các năm chưa bảo đảm so với nhu cầu. Hệ thống các công trình thủy lợi cơ bản đáp ứng nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của người dân, tuy nhiên việc duy tu, sửa chữa vẫn còn khó khăn do kinh phí còn hạn chế.

- Công tác giải phóng mặt bằng một số dự án đầu tư còn chậm, làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án.

3.3. Đối với nguồn tài lực:

- Hoạt động sản xuất, kinh doanh còn gặp nhiều khó khăn, thách thức. Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo là ngành chủ lực của tỉnh, nhưng hoạt động sản xuất có xu hướng giảm, do các doanh nghiệp chịu ảnh hưởng của các yếu tố bên ngoài như: sự phục hồi chậm và khó khăn của các đối tác thương mại lớn; diễn biến căng thẳng giữa Nga và Ukraina, giá xăng, dầu tăng đã làm lạm phát đạt mức kỷ lục tại nhiều nước; giá nhiều mặt hàng trên thế giới tiếp tục có xu hướng tăng, gây nhiều áp lực giá nguyên, vật liệu đầu vào cho sản xuất công nghiệp.

4. Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết tại địa phương

Nhận định hai điểm nghẽn trong phát triển kinh tế - xã hội là chất lượng nguồn nhân lực và hạ tầng chiến lược, tỉnh đã tập trung hoàn thiện cơ chế, chính sách, tập trung nguồn lực khắc phục. Tuy nhiên, hai điểm nghẽn chưa khắc phục triệt để, tỉnh sẽ tiếp tục tăng cường các giải pháp để triển khai thực hiện Nghị quyết hiệu quả hơn.

Trên đây là báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Nơi nhận:

- Ban Kinh tế Trung ương,
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Các đ/c Trung ương phụ trách địa bàn,
- Các đ/c Ủy viên BCH Đảng bộ tỉnh,
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy,
- Ban cán sự đảng, đảng đoàn tỉnh,
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh,
- Các huyện, thị, thành ủy và tương đương,
- Lưu VPTU.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ

Trần Văn Huyền